TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Tâm
2. Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1984
HKTT: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Thôn P, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038184014027
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lưu Bá Q; Sinh năm: 1979
HKTT: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1, Trại giam T, Cục C10, Bộ Công an.
Số CCCD: 038079021326
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Bá Q kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến thường xuyên sảy ra cãi

cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Bản thân anh Q hiện nay đang phải đi chấp hành án tại trại giam T về tội cố ý gây thương tích. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Bá Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Tuấn V, sinh ngày 23/04/2005 và cháu Lưu Tuấn P, sinh ngày 26/05/2010. Hiện nay, cháu V đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu P và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/06/2025, anh Lưu Bá Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Tuấn V, sinh ngày 23/04/2005 và Lưu Tuấn P, sinh ngày 26/05/2010. Hiện nay cháu V đã thành niên anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Ly hôn, anh đề nghị được giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lưu Bá Q; Về con chung: Giao cháu Lưu Tuấn P, sinh ngày 26/05/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Q xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra viêc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Q và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Q theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị T và anh Q đều đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị T và anh Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Bá Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa) ngày 03/12/2003 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này, cả chị T và anh Q đều thừa nhận và được các cấp chính quyền xã T (cũ) xác nhận. Nay cả chị T và anh Q đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Bá Q được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Tuấn V, sinh ngày 23/04/2005 và Lưu Tuấn P, sinh ngày 26/05/2010. Hiện nay cháu V đã thành niên chị T và anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết. Xét thấy, chị T và anh Q đều yêu cầu giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Mặt khác, anh Q đang phải chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi con, cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và anh Q, giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[7]. Về tài sản: Chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Bá Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Tuấn P, sinh ngày 26/05/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: *BLTU/24: 0003890;* Ngày 02/06/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Bá Q. Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7-Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc